

CHÍNH SÁCH CẤM ĐẠO CỦA TRIỀU NGUYỄN TRONG BỐI CẢNH KHU VỰC: QUA SO SÁNH VỚI TRIỀU TIÊN

NGUYỄN QUANG HUNG*

Nghiên cứu chính sách cấm đạo của triều Nguyễn không còn là một đề tài mới⁽¹⁾. Tuy nhiên, nói tới những nguyên nhân cấm đạo, cho tới nay nhiều nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh tới mối quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân trong bối cảnh Việt Nam thế kỉ XIX. “Vấn đề nghi lễ”, tâm điểm là xung khắc Nho giáo - Công giáo về thế giới quan và tư tưởng hệ như một lí do cơ bản dẫn tới việc cấm đạo của triều Nguyễn, được nói tới trong một số nghiên cứu, nhưng chưa được đánh giá thỏa đáng. Thêm vào đó, nhiều nghiên cứu về lịch sử truyền giáo ở Việt Nam ít có sự so sánh với bối cảnh khu vực.

Trong một số công trình, chúng tôi đã phân tích những khác biệt của Công giáo với văn hóa, tín ngưỡng bản xứ về lễ nghi và chuẩn mực xã hội như một lí do cơ bản khiến triều Nguyễn cấm đạo⁽²⁾. Qua so sánh bối cảnh của Việt Nam với khu vực, nhất là với việc cấm đạo của Choson, triều đại phong kiến cuối cùng của Triều Tiên⁽³⁾, bài viết muốn khẳng định, thứ nhất, cấm đạo là điều khó tránh khỏi và đó không còn là hiện tượng cá biệt của riêng Việt Nam. Thứ hai, “vấn đề nghi lễ” là một lí do cơ bản khiến các nhà nước phong kiến ở cả Việt Nam và Triều Tiên cấm đạo⁽⁴⁾.

I. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH CẤM ĐẠO DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Công giáo ở Việt Nam có bề dày lịch sử gần năm thế kỉ. Khác với nhiều quốc gia Đông Nam Á khác, giữa Công giáo với các tôn giáo bản xứ ở Việt Nam do tính khoan dung tôn giáo của người Việt ít có những vấn đề mang tính xung đột. Ngược lại, quan hệ giữa Giáo hội Công giáo với chính quyền bản xứ lại không mấy suôn

*. PGS., TS., Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

1. Xem: Phan Phát Huân. *Việt Nam giáo sử*, tập I-II. Dòng Chúa Cứu Thế, Sài Gòn, 1958-1960; Patrick Tuck. *French Missionaries and Imperialism in Vietnam (1857-1914)*. Liverpool University Press, 1987; Cao Huy Thuần. *Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ quốc gia khoa học chính trị Đại học Paris. Hương Quê, Los Angeles, 1988; Trương Bá Cần. *Công giáo Đàng Trong thời Giám mục Pigneau (1771-1799)*, TP Hồ Chí Minh, 1992; Nguyễn Văn Kiệm. *Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX*. Hội khoa học lịch sử Việt Nam, 2001; v.v...

2. Xem: Nguyễn Quang Hưng. *Công giáo Việt Nam thời kì triều Nguyễn (1802-1883)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2007.

3. Do bối cảnh lịch sử, hiện có hai cách gọi quốc gia thống nhất trên toàn bộ bán đảo Triều Tiên, tên quốc tế là Korea. CH DCND Triều Tiên sử dụng cách gọi Triều Tiên, còn Đại Hàn Dân Quốc sử dụng cách gọi Hàn Quốc. Để tránh hiểu lầm, bài viết sử dụng cách gọi Triều Tiên để chỉ quốc gia thống nhất này trong lịch sử, còn tên gọi Hàn Quốc chỉ Nam Triều Tiên hiện nay.

4. Quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân như một nguyên nhân cơ bản của việc cấm đạo dưới triều Nguyễn nằm ngoài phạm vi bài viết này vì vấn đề đã được đề cập nhiều trong các công trình trên.

sẽ. Thời kì tiền thuộc địa, dường như Công giáo càng được truyền bá rộng rãi trong các tầng lớp xã hội bao nhiêu thì phản ứng của chính quyền bản xứ càng nghịch chiều bấy nhiêu. Công giáo đã bị cấm đoán từ thế kỉ XVII-XVIII bởi cả chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Alexandre de Rhodes thuật lại một chỉ dụ cấm đạo của Trịnh Tráng năm 1630, tức chỉ mấy năm sau khi Công giáo được ông và một số thừa sai Dòng Tên tích cực truyền bá ở Đàng Ngoài. "Chúa [Trịnh Tráng-NQH] giận chúng tôi vì chúng tôi bất tôn thờ phải li dị các vợ mọn. Chúa gửi một văn thư tai hại và khá chua xót không phải chiếu mỗi thịnh tình tới nay chúa vẫn có đối với chúng tôi. Văn thư này được thảo tương tự như sau: "Đạo nào (hở các người) các người giảng trong nước ta? Các người truyền cho thần dân ta chỉ được lấy một vợ mà ta thì muốn có nhiều để sinh nhiều con trung thành với ta. Từ nay các người hãy gạt đi đừng giảng đạo đó nữa: nếu các người không tuân lệnh thì ta sẽ chém đầu các người và ngăn cấm các người từ nay chớ tiếp tục làm điều ta cấm"⁽⁵⁾.

Các chúa Nguyễn cũng có thái độ tương tự đối với Công giáo bởi sự khác biệt của tôn giáo mới với các quan niệm truyền thống về lễ nghi và giá trị xã hội. Năm 1663, Hiền Vương từng nói: "Ta là chúa Đàng Trong. Các thần dân chịu sự cai trị của ta chứ không phải của Chúa Trời" và ra lệnh chém đầu một người Công giáo có tên thánh là Phaolô khi người này nói rằng trước hết ông ta là tín đồ của Chúa Trời, sau mới là thần dân của chúa⁽⁶⁾. Chúa Võ Vương cũng xung khắc với Công giáo trong "vấn đề nghi lễ". Ông thấy nguy cơ tách rời giữa cộng đồng

giáo dân với cộng đồng người Việt còn lại, có thể dẫn đất nước tới chỗ lâm nguy⁽⁷⁾.

Có điều, việc truyền giáo khi đó chủ yếu gắn với các hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Châu Âu, vấn đề an ninh chưa trở thành sống còn đối với độc lập và chủ quyền dân tộc. Thêm vào đó, các chúa Trịnh và chúa Nguyễn tuy xung khắc với Công giáo trong "vấn đề nghi lễ", nhưng cần buôn bán và mua vũ khí của các thương gia Châu Âu, phục vụ chiến tranh, nên các cuộc cấm đạo không gay gắt và không thường xuyên⁽⁸⁾.

Anh em Tây Sơn cũng e ngại trước ảnh hưởng bởi sự lan rộng Công giáo đối với văn hóa Nho giáo. "Từ khi các nước Phương Tây lên lút đưa đạo của họ vào trong vương quốc này, ta tiếc rằng sự tôn thờ Đức Khổng Tử mỗi ngày mỗi giảm và hầu như đã hoàn toàn bị bỏ rơi, bởi tác tại bởi những lời lẽ lừa đảo và dụ dỗ của những người ngoại quốc đang thu hút lòng người và làm mê hoặc dân chúng

5. Alexandre de Rhodes. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, bản dịch từ tiếng Pháp của Hồng Huệ. TP. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 124.

6. Xem: Mạc Đường. *Người Việt Nam Thiên Chúa giáo ở Miền Nam nước ta từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX*. Trong: *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, TP. Hồ Chí Minh, 1988, tr. 69.

7. Xem: Thư của thừa sai Neugebauer Josephi R.P., ngày 18/7/1749. Trong: Duwendag, Hans U., *P.P. Missionariorum Soc. Jesu. Brieffen, Schrifften und Reise-Beschreibungen. Sechs und dreissigster Theil. Brieffe aus dem Reich Cochinchina*, Bonn, 1997, S. 289-297.

8. Thừa sai Mettello Saccano từng viết về các cuộc cấm đạo đầu thế kỉ XVII: "Người ta còn lạ gì tính tình hay thay đổi của nhà chúa, dễ nổi nóng và cũng chóng dịu đi, và người ta cũng không quên rằng muốn lấy lòng nhà chúa, chỉ cần một số lễ vật quý giá và tốt hơn hết là một vài viên ngọc trai, lễ vật mà nhà chúa mong muốn và ưa thích hơn cả, ai mà đáng cho nhà chúa lễ vật đó thì muốn xin gì cũng được". Dẫn theo: Nguyễn Hồng. *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*. Quyển I. Sài Gòn, 1959, tr. 243.

bằng đủ mọi phương tiện bí hiểm, làm cho con người không còn sức kháng cự nữa. Thấy lòng dân bị say mê bởi một tôn giáo lừa đảo và khuynh loát, ta quyết hỗ trợ cho đạo lí tốt lành và chân thực của tiên nhân và các tiên đế, và triệt tiêu hoàn toàn tôn giáo xấu xa này"⁽⁹⁾.

Bước sang thế kỉ XIX, tình hình thay đổi khiến cho những cuộc cấm đạo càng trở thành gay gắt. Một mặt, từ sau những vận động chính trị của Giám mục Pigneau de Behaine ủng hộ Nguyễn Ánh trong cuộc chiến chống Tây Sơn dẫn tới Hiệp ước Versailles giữa Việt Nam và Pháp năm 1787, mối liên hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân vốn mang tính phổ biến trong lịch sử thế giới cận đại, nay hiện diện ở Việt Nam càng trở nên rõ ràng. Cùng với nguy cơ xâm lược của các nước Phương Tây ngày càng hiện hữu, các thừa sai cũng trở nên công khai can thiệp vào nội tình ở Việt Nam. Nếu như ở thế kỉ XVII-XVIII, các thừa sai Châu Âu còn tuân thủ luật pháp của triều đình, thì họ đã không còn làm như vậy ở thế kỉ XIX. Việc sau năm 1825, các thừa sai Châu Âu vẫn lén lút tới Việt Nam truyền đạo dù Minh Mạng không cho phép họ tiếp tục đến Việt Nam, cho thấy điều đó.

Mặt khác, việc các vua triều Nguyễn chán hưng Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành quốc giáo, thì sự xung khắc Công giáo với văn hóa, tôn giáo bản xứ trong các vấn đề lễ nghi và giá trị xã hội càng trở nên trầm trọng. Đằng sau sự khác biệt về thế giới quan và tư tưởng hệ giữa Công giáo và Nho giáo còn là vấn đề về tính chính danh hay tính hợp thức (legitimacy) của Nho giáo với tính cách là chính đạo. Một triều đình cai trị dựa trên

các chuẩn mực đạo đức-chính trị của Nho giáo sẽ mất đi tính hợp thức nếu Việt Nam trở thành một quốc gia Kitô giáo. Nguyễn Ánh cũng đã ám chỉ điều này trong một lần tranh luận với Pigneau de Behaine xung quanh vấn đề người Công giáo với việc thờ cúng tổ tiên. Nó cho thấy ngay cả khi cuộc chiến giữa chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn chưa ngã ngũ và còn cần tới sự trợ giúp của các thừa sai Châu Âu và người Công giáo, Nguyễn Ánh đã không khoan nhượng với người Công giáo trong "vấn đề nghi lễ". Ông nói: "Khi tôi đến các buổi cúng lễ này, tôi tự nhủ rằng: Nếu tổ tiên tôi còn sống, tôi muốn làm tất cả mọi bổn phận cần thiết với các người (...) tôi muốn thể hiện cho mọi người thấy rằng tôi không hề quên tổ tiên và đem lại cho thần dân của tôi một mẫu mực về lòng hiếu thảo (...) nghi thức triều đình quy định rất nhiều những buổi lễ như vậy, và tôi bắt buộc tự thân phải có mặt cùng với tất cả quan chức của tôi. Nếu nhiều người trong số họ đi theo đạo, không thể cùng làm như những người khác trong những trường hợp mà tôi có mặt, tôi sẽ buộc phải thực hiện những nghi lễ ấy gần như một mình và như thế là làm suy giảm uy thế của ngôi vua"⁽¹⁰⁾.

Do vậy, mặc dù hàm ơn sự giúp đỡ của các thừa sai Châu Âu và người Công giáo, nhưng khi lên ngôi Gia Long đã không muốn ảnh hưởng của tôn giáo này được

9. Louvet, L.E., *La Conchinchine religieuse*, tome I. Librairie de la Socite Asiatique, Paris, 1885, tome I, tr. 517. Trích theo: Trương Bá Cẩn, *Công giáo Đàng Trong thời giám mục Pigneau (1771-1799)*, TP Hồ Chí Minh, tr. 103-104. Theo Trương Bá Cẩn, chưa rõ thời điểm ban hành của chỉ dụ này.

10. Henry Bernard, *Le conflit de la religion Annamite avec la religion d'Occident à la cour de Gia Long*, Hà Nội, 1941, tr. 9-11. Dẫn theo: Nguyễn Văn Kiệm, Sđd., tr. 194-197.

mở rộng. *Điều lệ hương đảng* ban hành năm Giáp Tý 1804 phản ánh tinh thần đó. “Lại như đạo Gia Tô là tôn giáo nước khác truyền vào nước ta, bịa ra thuyết thiên đường địa ngục khiến kẻ ngu phu ngu phụ chạy vạy như điên, tiêm nhiễm thành quen, mê mà không biết. Từ nay về sau, dân các tổng xã nào có nhà thờ Gia Tô đổ nát thì phải đưa đơn trình quan trấn mới được tu bổ, dựng nhà thờ mới thì đều cấm. Những điều trên này đều là nên có đời tộ cũ, kính giữ giáo điều. Nếu cứ quen theo thói làng, can phạm phép nước, có người phát giác thì xã trưởng phải đồ lưu đi viễn châu, dân hạng, nặng thì sung dịch phu, nhẹ thì xử roi hay trượng, để bớt tổn phí cho dân, mà giữ phong tục thuần hậu”⁽¹¹⁾.

Có điều vì hàm ơn Công giáo và các thừa sai từng ủng hộ chúa Nguyễn trong cuộc chiến chống nhà Tây Sơn nên việc truyền đạo thời Gia Long vẫn được tự do và công khai. Đến thời Minh Mạng, “vấn đề nghi lễ” thể hiện rõ trong nội dung chỉ dụ tháng 11 năm 1832, tức tháng Giêng năm 1833 theo dương lịch. “Đạo Gia Tô nguyên từ người Tây dương đem vào truyền bá đã lâu, dân ngu phần nhiều bị mê hoặc mà không biết hối. Thử nghĩ: cái thuyết thiên đường, tóm lại chỉ là chuyện hoang đường, không có bằng chứng. Hơn nữa không kính thần minh, chẳng thờ tiên tổ, rất trái với chính đạo. Thậm chí lập riêng nhà giảng, tụ tập nhiều người (...) Đạo ấy lại quy là tà thuật hơn đạo nào hết (...) Vậy truyền dụ (...) có ai trước đã trót theo đạo Gia Tô, nay nếu cảm phát lương tâm, biết sợ, biết hối, thì cho phép được bày tỏ với quan sở tại (...) nếu kẻ nào không chừa thói cũ còn dám lên lút tụ tập nhau, cam tâm vi phạm lệnh

cấm, một khi bị phát giác thì liền trị tội nặng”⁽¹²⁾. Điều 7 trong *Thập huấn điều* ban hành năm 1835 có tên là Sùng chính học cho thấy nhà vua lo ngại về ảnh hưởng của Công giáo đối với thuần phong mỹ tục.

“Vấn đề nghi lễ” cũng lại được đề cập trong các chỉ dụ của Thiệu Trị ban hành sau sự kiện Đà Nẵng năm 1847. “Giáo Tô là tả đạo, từ Tây dương đến. Cái đạo của chúng không thờ cha mẹ, không kính quý thân, thác ra cái thuyết thiên đường và nước phép, để người ta nghe đến thì mê. Tả đạo ấy rất hại cho phong hóa! Khoảng năm Minh Mệnh [1820-1840] nghiêm cấm (...) Chỉ nghĩ: tả đạo ấy đắm đuối vào đã sâu, tiểu dân ngu muội, dễ mê hoặc mà khó hiểu biết. Kẻ theo đạo ấy hoặc u mê không tỉnh (...) Nếu có đạo trưởng Gia Tô còn ngấm ngấm ẩn giấu ở địa hạt nào, thì quan sở phải thường gia kiểm sát (...) lập nên giáo hóa, một nền đạo đức, một lối phong tục, kéo lại thói thuần mỹ, cùng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt lắm thay! Nếu còn kẻ nào phạm pháp, tất bất tội không tha được”⁽¹³⁾.

Cả đến thời Tự Đức khi nguy cơ xâm lược của Pháp đã hiển hiện rất rõ ràng, việc bảo vệ độc lập và chủ quyền của dân tộc đã trở thành vấn đề sống còn, nhưng “vấn đề nghi lễ” vẫn là một nguyên nhân cơ bản khiến triều đình cấm đạo. Nó được đề cập rõ ràng trong chỉ dụ năm 1851 được ban hành sau những sự vụ của Hồng Bảo liên quan tới ngại vàng của

11. *Đại nam thực lục chính biên*. Tập 3. Đế nhất kỷ. Nxb Sử học, Hà Nội. 1963. tr. 168-169.

12. *Đại nam thực lục chính biên*, Tập 9. Đế nhị kỷ. Minh Mệnh năm thứ mười ba. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1964, tr. 235-236.

13. *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 26. Đế tam kỷ. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1972. tr. 176.

nhà vua. “Tôn giáo của Giêsu đến từ Tây dương: không thờ cúng ông bà và thần linh, làm cho người ta mê muội bằng thuyết thiên đường, địa ngục và nước thánh. Những kẻ truyền đạo dù biết là luật nước ta không dung thứ tà thuyết đó, nhưng vẫn rao giảng về sự khổ nạn của Giêsu, Chúa của họ, dụ dỗ những kẻ ngu dốt, sẵn sàng liêu chết mà không hối hận. Thật là một sự thô bỉ làm sao! Thật là một sự lừa gạt kì quặc làm sao! Thời Minh Mạng đã từng ban nhiều chỉ dụ cấm những điều nhằm nhí này: bất cứ kẻ nào không bỏ đạo đều bị xử phạt nghiêm khắc. Dưới thời Thiệu Trị cũng đã từng có nhiều chỉ dụ được ban hành để trừ tiết thứ tà đạo này (...) Nền tảng của văn minh chúng ta là giữ nề nếp, phong tục. Những thuần phong mỹ tục này đang bị đe dọa bởi sự truyền bá thứ tà thuyết mặt người dạ thú này (...)”⁽¹⁴⁾. Cả khi Pháp xâm lược Việt Nam thì việc các thừa sai can dự vào các hoạt động chính trị không phải là lí do duy nhất trong xung đột giữa triều Nguyễn và Giáo hội Công giáo.

Tổng quan một số chỉ dụ cấm đạo trong gần ba thế kỉ ta thấy tuy sự khác biệt giữa Công giáo, tôn giáo thờ phượng duy nhất Đức Kitô với các tôn giáo, tín ngưỡng bản xứ về lễ nghi và giá trị xã hội là điều hoàn toàn khách quan nhưng nó đã trở thành một nguyên nhân cấm đạo của các triều đình phong kiến Việt Nam. Ngoại trừ việc ở thế kỉ XVI truyền giáo còn mang tính sơ khai nên phản ứng của chính quyền bản xứ còn chưa rõ ràng, “vấn đề nghi lễ” dường như đã xuất hiện ngay từ buổi đầu của lịch sử truyền giáo. Trong bối cảnh sự đe dọa xâm lược của phương Tây chưa trở thành sống còn, có thể nói, việc cấm đạo của các chúa Trịnh

và chúa Nguyễn ở thế kỉ XVII-XVIII chủ yếu xuất phát từ bất đồng của họ đối với tôn giáo mới trong “vấn đề nghi lễ”.

II. CHÍNH SÁCH CẤM ĐẠO CỦA VƯƠNG TRIỀU CHOSON

Lịch sử và văn hóa của Triều Tiên có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam⁽¹⁵⁾. Từ hàng nghìn năm trước Công nguyên, trên bán đảo Triều Tiên đã hình thành chế độ thị tộc, bộ lạc, dần dần tới những thế kỉ cuối trước Công nguyên xuất hiện ba vương quốc Silla, Goguryeo và Baekje. Đây còn gọi là thời kì Tam Quốc. Năm 676, vương quốc Silla đè bẹp 2 vương quốc kia, xây dựng một nhà nước thống nhất (Unified Silla) trên bán đảo Triều Tiên. Triều đại Silla tan rã sau mấy thế kỉ tồn tại và năm 936, triều đại Goryeo (Cao Ly) được thành lập, lấy thủ đô là Guryok (nay là Bình Nhưỡng). Năm 1392, sau một cuộc chính biến, triều đại Choson (Triều Tiên) ra đời, chuyển thủ đô về Hán Thành (Seoul). Đây cũng là triều đại phong kiến tồn tại lâu đời nhất trong lịch sử Triều Tiên, tới năm 1910, khi Nhật Bản xâm lược bán đảo Triều Tiên.

14. *Annales de la Propagation de la Foi* (AFP), 1852, XXIV, tr. 11. Bản dịch tiếng Pháp của Giám mục Retord. Trích theo: Patrick Tuck J.N., *French Catholic Missionaries ...*, Sdd., tr. 34-35. Trong *Dại Nam thực lục* không thấy đề cập tới chỉ dụ này.

15. Đã có một số công trình nghiên cứu so sánh lịch sử và văn hóa hai nước. Xem: Lý Xuân Chung, *Đôi nét về tương đồng văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc*. Trong: *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số tháng 9 năm 2007; Lee Churl-hee, *Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc (so sánh với Việt Nam)*. Trong: *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số tháng 10 năm 2007; E. IU. Knorózópva, *Về vấn đề tương đồng văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam* (bản tiếng Nga). Trong: *Proceedings of the Center for Korean Language and Culture, Issue 2*, edited by Anatoly G. Vasilyev, St. Peterburg Center for Oriental Studies, St. Peterburg State University, St. Peterburg 1997.

Văn hóa và tôn giáo ở Triều Tiên và Việt Nam cũng có nhiều điểm tương đồng. Cả hai đều chịu ảnh hưởng sâu nặng của văn hóa Trung Hoa. Phật giáo đã được truyền bá vào Triều Tiên từ năm 372, thời Tam Quốc, trở thành quốc giáo dưới triều đại Goryeo. Triều đại Choson lại coi Nho giáo là quốc giáo mặc dù Phật giáo vẫn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của dân chúng. Cũng giống như ở Việt Nam, cả Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo ở Triều Tiên không tồn tại hoàn toàn biệt lập mà có sự dung thông với nhau, trở thành nền tảng văn hóa tinh thần của Triều Tiên hàng chục thế kỷ.

Hiện nay, tôn giáo đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội Triều Tiên. Với trên hai chục triệu tín đồ, Phật giáo vẫn là tôn giáo chính của cả Bắc Triều Tiên và Nam Triều Tiên với bảy chục triệu dân. Đứng thứ hai là đạo Tin Lành với trên 8 triệu tín đồ. Tiếp đến là Công giáo với 15 địa phận và gần bốn triệu tín đồ. Cả hai chi phái này của Kitô giáo gia tăng đáng kể số lượng tín đồ từ sau chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Còn lại là các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa, đặc biệt là Shaman giáo (Shamanism)⁽¹⁶⁾. Cũng giống như Việt Nam, Kitô giáo (Công giáo và đạo Tin Lành) xét về số lượng tín đồ đứng thứ hai sau Phật giáo và giữa các tôn giáo ở Triều Tiên ít có những vấn đề mang tính xung đột. Như vậy, ngoại trừ một sự khác biệt là ở Việt Nam Công giáo đứng thứ hai sau Phật giáo xét về số lượng tín đồ còn ở Triều Tiên vị trí đó là đạo Tin Lành, thì các tôn giáo còn lại giữa Việt Nam và Triều Tiên không có sự khác biệt nhiều. Trong khi chính phủ Hàn

Quốc hiện nay coi các ngày Phật Đản và Giáng sinh cũng ngang các ngày lễ lớn khác như Tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, Ngày lập quốc, vv... thì ở Bắc Triều Tiên những ngày lễ trên chỉ được tổ chức trong phạm vi Giáo hội Phật giáo và cộng đồng dân Chúa.

Công giáo được truyền bá vào Triều Tiên bởi các thừa sai Pháp thuộc Hội truyền giáo Hải ngoại (Mission Etrangères de Paris). Sử sách Triều Tiên ghi lại Lee Sŭng-hun (Lý Quang Chung) với tên thánh là Phaolo được coi là người Triều Tiên đầu tiên chịu phép rửa ở Bắc Kinh năm 1784. Đây là mốc khởi đầu lịch sử Công giáo ở Triều Tiên. Trở về nước cùng với hai người nữa là Yi Pyok và Chong Yak-chon, ông lập đền thờ trong nhà. Sau đó quay lại Bắc Kinh, Lee Sŭng-hun thăm thừa sai J.J. de Grammont, học giáo lí, đồng thời khi trở về nước, ông mang theo nhiều sách giáo lí, đồng thời rửa tội cho những người mến mộ tôn giáo mới. Trong số đó, Yi Pyok không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhà thờ đầu tiên mà cả trong việc truyền bá Phúc Âm. Những người Công giáo đầu tiên của Triều Tiên này thay phiên nhau tới Bắc Kinh, đề nghị các giám mục ở đó cử thừa sai sang Triều Tiên truyền giáo. Con số giáo dân tân tông tăng lên nhanh

16. Xem: Tôn giáo Triều Tiên. Trong: Bách Khoa thư mở Wikipedia. Sau chiến tranh Triều Tiên, đại bộ phận tín đồ đạo Tin Lành và Công giáo ở miền Bắc di cư xuống phần phía Nam vĩ tuyến 38. Dưới chính thể Bắc Triều Tiên, các tôn giáo bị hạn chế gắt gao tuy trên danh nghĩa Hiến pháp vẫn công nhận quyền tự do tôn giáo. Số tín đồ đạo Tin Lành và Công giáo ở Bắc Triều Tiên hiện chỉ vài chục nghìn người. Nếu tính riêng Hàn Quốc thì hiện có 11 triệu tín đồ Phật giáo, đạo Tin Lành có 8 triệu. Công giáo có gần 4 triệu tín đồ. Một số vị tổng thống Hàn Quốc là người theo đạo Tin Lành. trong đó có tổng thống đương đại Lee Myung Bak.

chống và đạt tới gần 10.000 người vào năm 1800⁽¹⁷⁾.

Cùng với sự gia tăng của Công giáo thì chính quyền bản xứ cũng bắt đầu có những phản ứng nghịch chiều. Mặc dù sự khác biệt giữa Công giáo, tôn giáo độc thần, với các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa về lễ nghi và chuẩn mực xã hội là khách quan, nhưng sự khác biệt đó, nhất là việc người Công giáo không được phép thờ cúng tổ tiên đã gây ra sự quan ngại lớn từ phía triều đình lấy Nho giáo làm quốc giáo⁽¹⁸⁾. Lee Sung-hun và một số giáo dân tiên khởi bị bắt năm 1785 vì những hoạt động truyền bá tôn giáo, trong đó có Kim Pom-u, người mà ít lâu sau trở thành chứng nhân tử đạo đầu tiên của Triều Tiên. Chỉ dụ cấm đạo đầu tiên của triều đình Choson ban hành năm 1791 dưới triều vua Chungjong (trị vì 1777-1800). Năm đó, hai giáo dân tân tông bị giết hại. Năm 1795, linh mục Chou Wên-mu bị tù đầy, nhưng trốn thoát, còn ba giáo dân Choe In-gil, Yun Yu-il và Chi Hwang bị hành hình⁽¹⁹⁾. Dưới triều vua Sunjo (trị vì 1801-1835)⁽²⁰⁾ việc cấm đạo càng gắt gao hơn. Năm 1801, một chỉ dụ cấm đạo mới của vua được ban hành theo đó việc truyền bá tôn giáo mới bị cấm trên phạm vi toàn quốc. Trong chỉ dụ có nêu rõ những điểm sau: Công giáo “lừa gạt” dân chúng với thuyết thiên đường, địa ngục; rằng người Công giáo tôn sùng “những người cha tinh thần”, “giám mục” riêng của họ khác với truyền thống; đả phá mười điều răn trong Kinh Thánh và bậy bĩ tích của Công giáo; quan niệm về cái sống và cái chết của người Công giáo khác với quan niệm truyền thống Triều Tiên; quan hệ với cả những gia đình sa ngã và những kẻ bị cộng đồng chối bỏ,

hận thù với dân tộc, tụ tập tín đồ thành băng đảng; rằng Công giáo tập hợp số lớn thương gia, nông dân và phụ nữ, làm xáo trộn đạo đức và trách nhiệm xã hội⁽²¹⁾.

Khi chỉ dụ năm 1801 được ban hành, hàng loạt người Công giáo khắp Triều Tiên bị truy lùng, bị giết hại và tù đầy. Số người Công giáo bị giết hại lên tới hàng trăm và số người bị tù đầy chừng khoảng trên một nghìn, trong đó có cả linh mục Chou Wên-mu⁽²²⁾. “Cuộc cấm đạo năm 1801 đẩy Giáo hội còn non trẻ gần như về con số không. Linh mục Chou bị giết hại mặc dù ông hoàn toàn có thể tránh được bằng cách chạy sang Trung Quốc, nhưng ông đã tử đạo để vinh danh hội thánh. Cùng với ông, nhiều chức sắc giáo hội cũng tử đạo”⁽²³⁾. Lee Sung-hun và nhiều giáo dân tiên khởi của Triều Tiên bị giết hại bởi chỉ dụ cấm đạo 1801.

Dưới thời vua Hònjong (trị vì 1835-1850) cũng xảy ra các cuộc cấm đạo gắt gao. Vào năm 1839, vua Hònjong ban

17. Dallet. Histoire de l'église de Corée, tome I. 1874, Victor Palmé, Paris, pp. 7-10. Dẫn theo: Choi Suk- Woo. Korean Catholicism Yesterday and Today. Trong: *Korea Journal*, Vol. 24, No. 8, August 1984, tr. 6.

18. Về những khác biệt dẫn tới xung đột giữa Nho giáo và Công giáo, xem: Ch'oe Ki-bok. The Abolition of Ancestral Rites and Tablets by Catholicism in the Choson Dynasty and the Basic Meaning of Confucian Ancestral Rites. Trong: *Korea Journal*, Vol. 24, No. 8, August 1984.

19. Dallet. Histoire de l'église de Corée, tome I. 1874, Victor Palmé, Paris, pp. 27, 31 và 73. Dẫn theo: Choi Suk- Woo. Sdd., p. 7.

20. Vua Sunjo (1790-1834) là vua thứ 23 của triều đại Choson.

21. Collected Writings concerning to Defense of Orthodoxy against Heterodoxy, ed. Yi Manchae. Kyongsong, Pyogwi-sa. Vol. II, Bk. 5, p. 16ab. Dẫn theo: Grant S. Lee. Persecution and Success of Roman Catholic Church in Korea. In: *Korea Journal*, Vol. 28, No. 1, January, 1988, p. 20.

22. Grant S. Lee. Sdd., p. 20.

23. Choi Suk- Woo. Sdd., p. 8.

hành chỉ dụ cấm đạo với nội dung như sau: "Vua Chungjong, tiên đế của ta, là Thiên Tử đã phải phiền lòng trước việc Sung-hun mang về nước đủ loại sách Tây Phương và tuyên truyền cái mà ông ta gọi là "đạo Chúa". Dùng những cách tinh vi chưa từng có từ trước tới giờ và hoàn toàn bất hợp pháp mà không tiên tri nào có thể dự đoán nổi. [tôn giáo này] lan rộng và nảy nở. mê hoặc và đánh lừa mọi người bằng cách giảng giải về cái thế giới của những kẻ mọi rợ và súc sinh. Vua Chungjong nhận ra điều đó (...) và chỉ trừng phạt những kẻ cầm đầu, tha bổng những kẻ cả theo với hi vọng họ sẽ hối cải (...) Hãy cẩn trọng, hồi các thần dân của ta, quân thần của ta. Trăm truyền cho các người như cha giảng cho con, anh giải cho em vậy. Hãy tìm cách cứu những kẻ bị mê hoặc khỏi nơi nguy khốn (...) Kẻ nào không nghe thì giết đi để cảnh báo lũ quỷ ác này đừng bao giờ xuất đầu lộ diện nữa"⁽²⁴⁾.

Chỉ dụ cấm đạo 1839 nhằm trực tiếp vào các thừa sai Châu Âu. Riêng trong năm 1839 có ba thừa sai Pháp, trong đó có Giám mục Imbert và trên hai trăm tín đồ bị giết hại. Trong số những người bị giết có ba linh mục bản xứ đầu tiên từng theo học tại Macao⁽²⁵⁾. Năm 1846, diễn ra một đợt cấm đạo mới. Linh mục bản xứ đầu tiên của Triều Tiên - Kim Tae Gon, từng tu nghiệp ở Macao, cùng nhiều giáo dân bị bức hại.

Dưới thời vua Ch'oljong (trị vì 1850-1864), Công giáo được thừa hưởng một thời kì tương đối thanh bình. Hoàng tộc tỏ ra khoan dung với Công giáo. Nhiều thừa sai ngoại quốc tiếp tục tới truyền đạo mà không bị cấm đoán. Các sách giáo lí được in ấn công khai. Vào năm 1859, Giáo hội

Công giáo Triều Tiên đã có 2 nhà in các sách giáo lí bằng tiếng Triều Tiên.

Bối cảnh chính trị trong nước ở Triều Tiên trở nên phức tạp sau việc vua Ch'oljong chết mà không có ai nối ngôi. Sau đó Taewon-gun (trị vì 1864-1873), một người trong hoàng tộc được cử nhiếp chính khi mới 12 tuổi, tiếp tục thi hành chính sách đóng cửa với Phương Tây. Tháng 1 năm 1866 xảy ra sự kiện tàu Nga tới Wonsan đòi giao thương hai nước cũng như cho phép các thương gia Nga trú ngụ nơi đây. Người Nga đe dọa sẽ tràn qua biên giới nếu đòi hỏi trên không được đáp ứng. Triều đình Taewon-gun lúng túng, chưa biết xử trí thế nào. Giữa lúc đó, hai chức sắc Công giáo, Nam Chong-sam và Hong Pong-ju nhân cơ hội đó muốn triều đình thừa nhận tôn giáo mới. Họ đề nghị triều đình Taewon-gun cầu viện Anh và Pháp, để Giám mục Berneux đóng vai trò làm cầu nối với hai nước này để ngăn chặn ảnh hưởng của người Nga. Nhưng rồi do một sự hiểu lầm giữa các bên, dự định trên đã không thành. Triều đình nghi kỵ người Tây Phương, cho rằng họ có tham vọng xâm lược Triều Tiên. Tháng 2/1866 khi Giám mục Berneux tới hoàng cung thì bị bắt giam và xử tử. Một cuộc khủng hoảng chính trị xảy ra trong vương triều. Taewon-gun dưới áp lực của các quân

24. Lak Geoon George Park. *The History of Protestant Mission in Korea 1832-1910*, Seoul Yonsei University Press, Seoul 1970, p. 37-38 và Park To-shik, *Fairth of the Martyrers*, St. Paul Publishing Co., Seoul, 1983, p. 36-37. Dẫn theo: Grant S. Lee. Sdd., p. 21.

25. Lak Geoon George Park. *The History of Protestant Mission in Korea 1832-1910*, Seoul Yonsei University Press, Seoul 1970, p. 37-38 và Park To-shik, *Fairth of the Martyrers*, St. Paul Publishing Co., Seoul, 1983, p. 71. Dẫn theo: Grant S. Lee. Sdd., p. 21.

thần đã thi hành chính sách cấm đạo tàn khốc hơn bao giờ hết. Một số thừa sai Pháp đã bị hành hình. Chừng trên 8 nghìn người Công giáo, tức gần một nửa số dân Công giáo Triều Tiên khi đó, bị bức hại⁽²⁶⁾. Cộng đồng Kitô hữu bị thiệt hại nặng nề. Trong một chuỗi các sự kiện, triều đình thi hành một loạt chính sách bài Phương Tây. Khi tháng 8/1866, tàu Mỹ do tướng Serman chỉ huy, cập cảng Inchon, một số thủy thủ Mỹ cũng chịu chung số phận.

Việc các thừa sai Pháp bị triều đình Choson bách hại đã khiến Pháp nổi giận. Trong tháng 10 và 11/1866, đô đốc Pierre Gustave Roze, Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, cho tàu chiến đánh phá các cảng biển. Chừng 800 quân Pháp thực hiện chiến dịch quân sự chống vương triều Choson, đổ bộ lên Ganghwa (Inchon, cửa ngõ Seoul hiện nay), phong tỏa khu vực sông Hàn, bắn phá kinh thành. Cuộc đụng độ đã xảy ra làm phía Pháp 6 người chết, ba chục người bị thương. Phía Triều Tiên cũng 6 người bị thiệt mạng, hàng chục người bị thương. Trả thù việc một số thủy thủ bị bức hại, Tướng Mỹ Serman đề nghị thành lập chiến dịch quân sự liên quân Pháp - Mỹ để trừng phạt triều đình Taewon-gun. Vì lực lượng mỏng và đang bị lôi cuốn vào cuộc xâm lược Việt Nam, cuối cùng quân Pháp thoái lui.

Sau mỗi cuộc cấm đạo, người Công giáo Triều Tiên lại tụ tập lại, thành lập hội đoàn, cử đại diện sang giáo phận Bắc Kinh để nghị Bề trên phái các thừa sai sang Triều Tiên truyền đạo. Với những nỗ lực của họ, năm 1831, giáo phận Triều Tiên được thành lập, độc lập với giáo phận Bắc Kinh. Tòa Thánh bổ nhiệm

Giám mục B. Bruguiere của Hội thừa sai Paris coi sóc địa phận. Đáng tiếc, vị giám mục tiên khởi của Triều Tiên này đã chết trên đường từ Trung Quốc sang Triều Tiên vì bệnh tật. Sau năm 1836, có thêm một số thừa sai của Hội thừa sai Paris được cử tới Triều Tiên.

Bất chấp việc cấm đạo của triều đình ngày càng gắt gao, năm 1845 có thêm hai thừa sai Pháp vẫn tiếp tục lén lút tới truyền giáo tại Triều Tiên. Đó là Giám mục mới được phong Jean Joseph Ferreol và Linh mục Marie Antoine-Nicolas Daveluy. Số các thừa sai Châu Âu tới truyền đạo vẫn không ngừng tăng trong những năm sau đó cùng với số lượng tín đồ. Tới 1863 ở Triều Tiên có 2 giám mục và 8 linh mục. Số tín đồ đạt tới 19.748 người⁽²⁷⁾.

Từ năm 1876, dưới áp lực của ngoại bang triều đình Choson đã chấm dứt chính sách bế quan tỏa cảng, mở cửa với Phương Tây. Việc truy bức đạo không còn gay gắt. Triều đình Choson không được hoàn toàn tự chủ. Vào những năm 1882 và 1886, triều đình kí kết các Hòa ước với Mỹ và Pháp mở cửa giao thương trong đó có khoản cho phép tự do truyền đạo. Các thừa sai Pháp được tự do tới truyền đạo. Nhà thờ lớn được xây cất ở Myong-dong, Seoul. Tiếp theo đó, một Đại chủng viện được xây dựng ở Yongsan, Seoul. Từ cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản ngày càng can thiệp sâu vào công việc nội bộ của Triều Tiên. Cho tới khi Nhật Bản xâm lược Triều Tiên năm 1905, nhìn chung việc truyền giáo được khá tự do và công khai.

26. Yu Hong-yol. *A Revised History of Korean Catholic Church*, Vol. 2, Catholic Publishing House, p. 216. Seoul. Dẫn theo: Choi Suk Woo. Sđđ., p. 8.

27. Grant S. Lee. Sđđ., p. 21.

Từ cuối thế kỉ XIX khi đạo Tin Lành bắt đầu được truyền bá vào Triều Tiên, ít gặp những cuộc bách đạo từ phía nhà cầm quyền.

Về lí do cấm đạo của triều đình Choson, giáo sư Grant S. Lee nhấn mạnh việc người Công giáo trước Công đồng Vatican II (1962-1965) không được phép thờ cúng tổ tiên là một trở ngại lớn đối với việc truyền giáo⁽²⁸⁾. Các giáo dân Triều Tiên ngay từ đầu đã nhiều lần đề nghị bề trên của họ cho phép họ tiếp tục được duy trì nghi lễ truyền thống này. “Tâm điểm trong xung đột giáo lí liên quan tới việc thờ cúng tổ tiên. Các nhà Nho cho rằng lập trường của Công giáo là không thể chấp nhận được, là dị giáo vì nó đi ngược lại các tập tục và chuẩn mực xã hội trong khi người Công giáo thì cho rằng việc thờ cúng tổ tiên là sự sùng bái một tà thần, tức vi phạm điều răn thứ nhất”⁽²⁹⁾.

Nhà nghiên cứu Choi Suk Woo đưa ra mấy nguyên nhân sau: *thứ nhất*, người Công giáo tin vào Đức Chúa Trời vạn năng trên cả vua chúa và cha, mẹ mình. Như vậy, vô hình chung, Công giáo trở thành thách thức đối với vua. *Thứ hai*, Nho giáo với tư cách là quốc giáo, coi mình là chính đạo duy nhất, không chấp nhận tôn giáo, tín ngưỡng nào khác nghịch chiều với nó. *Thứ ba*, dưới triều đại Choson chưa có sự tách biệt giữa tôn giáo và chính trị, ngược lại, triều đình lấy tôn giáo (cụ thể là Nho giáo) làm nền tảng tinh thần của xã hội, do vậy, coi sự truyền bá Công giáo như một sự thách thức uy quyền của mình. *Thứ tư*, sự lộn xộn của chính trị với tôn giáo sẽ gián tiếp liên can tới tranh chấp chính trị và chuyên chế không cho phép tồn tại

những phe nhóm, nghịch đảng. *Thứ năm*, Công giáo được truyền bá bởi các thừa sai ngoại quốc luôn cố vũ cho sự tự do tôn giáo, khiến nhà cầm quyền lo ngại cộng đồng dân Chúa biệt lập với cộng đồng dân tộc⁽³⁰⁾.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Xét về phương diện thời gian ta thấy ở cả Việt Nam và Triều Tiên, Công giáo bị cấm truyền bá ngay từ những thập kỉ đầu tiên khi việc truyền giáo được tiến hành một cách hệ thống và tôn giáo mới có nguồn gốc từ Phương Tây bắt đầu có ảnh hưởng trong các tầng lớp xã hội.

Cả ở Việt Nam và Triều Tiên, những nguyên nhân cấm đạo đều liên quan tới mối liên hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân. Công giáo có nguồn gốc từ Phương Tây, do các thừa sai Châu Âu tới rao giảng. Trong bối cảnh liên tiếp có các cuộc viếng thăm của các tàu Anh, Mỹ, Pháp, v.v... với chính sách “ngoại giao pháo hạm”, đòi mở cửa giao thương, cấm đạo được coi là biện pháp nhằm bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc trước nguy cơ xâm lược của Phương Tây. Trong khi ở Việt Nam, mối quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân để lại những hệ lụy trong cả thời kì thuộc địa và hậu thuộc địa thì ở Triều Tiên tình hình đã thay đổi khi Nhật Bản xâm lược, cộng đồng người Công giáo và Tin Lành ở Triều Tiên là những người tiên phong trong việc đoàn kết xã hội, tham gia các

28. Về việc Tòa Thánh trước Công đồng Vatican II không cho phép tín đồ thờ cúng tổ tiên và những hệ lụy đối với việc truyền giáo ở Hàn Quốc, xem thêm: Ch'oe Ki-bok. Sdd., tr. 44-51.

29. Grant S. Lee. Sdd., p. 19.

30. Choi Suk- Woo. Sdd., tr. 7.

phong trào đấu tranh chống sự đô hộ của Nhật Bản, giành độc lập dân tộc nửa đầu thế kỉ XX.

Điều đáng nói là ở cả Việt Nam và Triều Tiên, “vấn đề nghi lễ” là một lí do cơ bản khiến triều đình phong kiến cấm đạo gắt gao. Vấn đề không dừng lại bởi sự khác biệt trong quan niệm về thế giới quan và giá trị xã hội của Công giáo đối với các tôn giáo bản xứ, mà là tính chính danh, hợp thức (legitimacy) của Nho giáo với tính cách là quốc giáo bị đe dọa bởi sự lan rộng của Công giáo. Một vương triều cai trị dựa trên những chuẩn mực đạo đức-chính trị của Nho giáo sẽ mất đi tính hợp hiến nếu đa số dân chúng được Kitô giáo hóa. “Vấn đề nghi lễ”, như vậy, không dừng lại ở khía cạnh tôn giáo-văn hóa, mà mang cả tính chất văn hóa-chính trị. Đối với Triều Tiên, nguy cơ đe dọa xâm lược của Phương Tây hiện hữu, nhưng không được thực hiện như ở Việt Nam, sự can dự của các thừa sai và giáo dân vào các chính biến chính trị cũng ở mức độ khiêm tốn hơn bởi số lượng người Công giáo tới cuối thế kỉ XIX chỉ vài chục nghìn. Mặc dù mối quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân ở Triều Tiên

không rõ ràng như ở Việt Nam do việc Pháp và các nước Phương Tây ít quan tâm xâm lược Triều Tiên, nhưng mức độ cấm đạo của triều đình Choson không kém gì dưới triều Nguyễn. 103 người tử đạo trong khoảng thời gian 1838-1866 (10 thừa sai Pháp và 93 giáo dân và linh mục Triều Tiên) được Tòa Thánh phong thánh năm 1984 minh chứng cho điều đó. Nếu ta so số người Công giáo bị bức hại trên tổng số dân Công giáo mỗi nước thì tỉ lệ người Công giáo bị bức hại ở Triều Tiên còn cao hơn ở Việt Nam!

Tóm lại, mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân là một lí do cơ bản dẫn tới việc cấm đạo của cả triều Nguyễn ở Việt Nam và triều Choson ở Triều Tiên. Cấm đạo được các triều đình phong kiến hai nước xem là một biện pháp bảo vệ nền độc lập trước nguy cơ đe dọa của Phương Tây. Nếu như ở Việt Nam, mối quan hệ này là rõ ràng, không thể phủ nhận thì ở Triều Tiên, dường như nổi trội lên hàng đầu lại là “vấn đề nghi lễ”. Nó cho thấy công cuộc hội nhập văn hóa theo tinh thần Công đồng Vatican II mà Giáo hội Công giáo hai nước đang cố xúy càng cấp thiết hơn bao giờ hết./.